DIAMOND
Smart Lab Solutions

CareLyte Plus

Lựa Chọn Tối Ưu cho các phòng thí nghiệm thú y

diamonddiagnostics.com/carelyteplus

CareLyte Plus

Thiết Bị Input
Màn hình cảm ứng 5”
Truy cập từ xa

Lưu Trữ Dữ Liệu
10.000 kết quả bệnh nhân
10.000 kết quả QC trên mỗi cấp độ

Kết Nối
LAN, Wifi, 4 cổng USB
RS232, LIS

Thời Gian Phân Tích
28 giây (512/giờ)

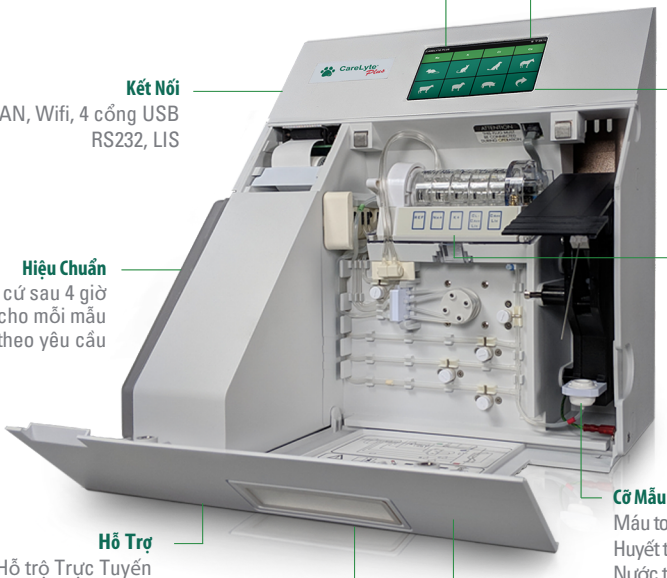

Hiệu Chuẩn
2 điểm cứ sau 4 giờ
1 điểm cho mỗi mẫu
theo yêu cầu

Số Lượng Thông số
5 Tổng cộng
4 (Đồng thời)

Cỡ Mẫu
Máu toàn phần, Huyết thanh (95 µl)
Huyết tương, QC (95 µl)
Nước tiểu (180 µl)

Hỗ Trợ
Dịch Vụ Hỗ trợ Trực Tuyến

Ngôn Ngữ
English, 中文, Français, Deutsch,
Italiano, 日本語, 한국어, Português,
Русский, Español, Türkçe, Bahasa Indo

Tùy Chọn Thú y
Mèo, Chó, Bò, Ngựa,
Lợn, cừu, hoặc, lựa chọn

Tham Số	Phạm Vi	Hệ Số Biến Thiên	Độ Phân Giải
Na^+	40-200 mmol/L	CV ≤ 1% (120-160mmol/L)	0.1 mmol/L
K^+	1.7-15 mmol/L	CV ≤ 1.5% (2.5-6 mmol/L)	0.01 mmol/L
Cl^-	50-200 mmol/L	CV ≤ 1% (85-130 mmol/L)	0.1 mmol/L
Ca^{++}	0.3-5.0 mmol/L	SD ≤ 0.02 mmol/L (0.8-1.5 mmol/L)	0.001 mmol/L
Li^+	0.2-5.5 mmol/L	SD ≤ 0.03 mmol/L (0.4-1.3 mmol/L)	0.001 mmol/L
nước tiểu[2] Na^+	3-300 mmol/L	CV ≤ 5% (100-250 mmol/L)	0.1 mmol/L
K^+	5-120 mmol/L[3]	CV ≤ 5% (10-60 mmol/L)	0.01 mmol/L
Cl^-	15-300 mmol/L	CV ≤ 5% (100-250 mmol/L)	0.1 mmol/L

1-Điển hình trong cùng một lượt chạy (n=30) Máu, Huyết thanh, Huyết tương
2-Canxi và Liti thường không được đo trong các mẫu nước tiểu
3-(60-120) cần pha loãng thêm

Công suất
100-240V, 50W tối đa
50-60 Hz, 1.6A tối đa

Kích Thước & Trọng lượng
13.2 x 12.4 x 12 in, 14 lbs
335 x 315 x 295 mm, 6 kgs

Điều kiện môi trường xung quanh
độ ẩm: < 85%
Nhiệt độ phòng: 60-90°F (15-32°C)

DIAMOND
Smart Lab Solutions

333 Fiske Street, Holliston, MA 01746 U.S.A.
www.diamonddiagnostics.com
main@diamonddiagnostics.com
+1 508-429-0450

SOP23-0193F REV01 02/11/25